TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 4- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Đinh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên toà*: Không.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Chế M, sinh 1992. Địa chỉ: Ấp Đồng B, xã Tân L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Chổ ở hiện nay: Ấp Ba Đ, xã Vĩnh Bình B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Thanh D, sinh 1983. Địa chỉ: Ấp Đồng B, xã Tân L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, nguyên đơn Nguyễn Chế M trình bày:

Năm 2011, chị Nguyễn Chế M và anh Huỳnh Thanh D kết hôn theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân L. Ngày 29/4/2011 anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011, quyển số 01/2011.

Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại ấp Đồng B, xã Tân L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2015 mâu thuẩn vợ chồng phát sinh ngày càng gay gắt nên chị M về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên chị M khởi kiện xin ly hôn anh D.

Anh chị có 02 con chung là Huỳnh Tấn P, sinh ngày 14/11/2011 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 02/8/2013. Hiện cháu P và cháu Đ do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ. Chị M yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.5000.000đ/tháng. Chị M không yêu cầu chia tài sản chung.

Tại bản khai ý kiến ngày 28/12/2018 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/3/2019, bị đơn Huỳnh Thanh D trình bày:

Anh D thừa nhận lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Anh D đồng ý ly hôn với chị M. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ. Anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh D không yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Chế M xin ly hôn với anh Huỳnh Thanh D, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu chia tài sản. Bị đơn Huỳnh Thanh D giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Chế M khởi kiện xin ly hôn, xin nuôi con, yêu cầu cấp đưỡng nuôi con đới với anh Huỳnh Thanh D ở địa chỉ ấp Đồng B, xã Tân L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm và xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là hợp pháp. Mâu thuẩn vợ chồng phát sinh không khắc phục được dẫn đến ly thân nhau từ năm 2015, không quan tâm nhau. Chị M và anh D thống nhất ly hôn. Cho thất mục đích hôn nhân giữa chị M và anh D không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị M xin ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Chị M và anh D có 02 con chung tên Huỳnh Tấn P, sinh ngày 14/11/2011 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 02/8/2013. Hiện cháu P và cháu Đ do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu P trên 07 tuổi, có nguyện vọng sinh sống với anh D. Cháu P và cháu Đ đang theo học tại xã Tân L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Nếu giao cháu P và cháu Đ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là trái với nguyện vọng của cháu P, ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu, đảo lộn thói quen sinh hoạt hàng ngày của các cháu, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Nên chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên không có căn cứ chấp nhận.

2.3. Anh D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.4. Anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

2.5. Anh D và chị M không yêu cầu chia tài sản chung nên không xét.

[3]. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Mụi nộp 300.000đ án phí hôn nhân là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Chế M:

1. Quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Chế M được ly hôn với anh Huỳnh Thanh D.

2. Quan hệ con chung:

Giao Huỳnh Thanh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 14/11/2011 và cháu Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 02/8/2013.

Chị Nguyễn Chế M có quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Quan hệ cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

4. Quan hệ chia tài sản chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

5.1. Buộc chị Nguyễn Chế M nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị M được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 06/12/2018, lai số 0006769. Chị M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Nguyễn Chế M, bị đơn Huỳnh Thanh D. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CC THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Tân L;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Vĩnh